

Căn c Lu t B o hi m y t s 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Lu t s a đ i, b sung m t s đ i u c a Lu t B o hi m y t s 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014;

B Y T

C NG HÒA XÃ H I CH NGHĨA VI T NAM

Đ c l p - T do - H nh phúc

Đ

S : 40/2015/TT-BYT

Hà N i, ngày 16 tháng 11 năm 2015

Đ

THÔNG T

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bệnh o hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bệnh o hiểm y tế.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Các cơ sở đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bệnh o hiểm y tế ban đầu quy định tại Thông tư này được xác định theo các tuyến trong hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và từng địa phương.

2. Người có thể bệnh o hiểm y tế được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh theo quy định về chuyên môn kỹ thuật chuyên
giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và theo quy định tại Thông tư này

Chương II

CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BỆNH O HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU

□

Đi u 3. C s khám b nh, ch a b nh b o hi m y t ban đầu t y n x ã và t ng đ ng

1. Tr m y t ã, ph ng, th tr n;
2. Tr m xá, tr m y t , phòng y t c ac quan, đ n v , t ch c;
3. Phòng khám bác s gia đình t nh n đ c l p;
4. Tr m y t quân - dân y, Phòng khám quân - dân y, Quân y đ n v c p ti u đoàn và các đ s khám b nh, ch a b nh khác theo quy đ nh c a B tr ng B Qu c phòng.

Đi u 4. C s khám b nh, ch a b nh b o hi m y t ban đầu t y n huy n và t ng đ ng

1. B nh vi n đa khoa huy n, qu n, th ã, thành ph thu c t nh;
2. Trung tâm y t huy n có ch c năng khám b nh, ch a b nh; Trung tâm y t huy n có phòng khám đa khoa;
3. Phòng khám đa khoa; phòng khám đa khoa khu v c;
4. B nh vi n đa khoa h ng III, h ng IV và ch a x p h ng thu c các B , Ngành ho c tr c thu c đ n v thu c các B , Ngành;
5. B nh vi n đa khoa t nh n t ng đ ng h ng III, t ng đ ng h ng IV ho c ch a đ c x p

h ng t ng đ ng;

6. B nh vi n y h c c truy n t nhn t ng đ ng h ng III, t ng đ ng h ng IV ho c ch a đ c x p h ng t ng đ ng;

7. Phòng Y t , B nh xá tr c thu c B Công an, B nh xá Công an t nh, thành ph tr c thu c trung ng;

8. Trung tâm y t quân - dân y, B nh xá quân y, B nh xá quân - dân y, B nh vi n quân y h ng III, h ng IV ho c ch a đ c x p h ng, b nh vi n quân - dân y h ng III, h ng IV ho c ch a đ c x p h ng, các c s khám b nh, ch a b nh khác theo quy đ nh c a B tr ng B Qu c phòng.

Đi u 5. C s khám b nh, ch a b nh b o hi m y t ban đ utuy n t nh và t ng đ ng

1. B nh vi n đa khoa t nh, thành ph tr c thu c trung ng

2. B nh vi n đa khoa h ng I, h ng II thu c các B , Ngành, ho c tr c thu c đ n v thu c các B , Ngành;

3. B nh vi n chuyên khoa, Vi n chuyên khoa, Trung tâm chuyên khoa, Trung tâm y t đ phòng t nh, thành ph tr c thu c trung ng có Phòng khám đa khoa;

4. B nh vi n Nhi, B nh vi n S n - Nhi t nh, thành ph tr c thu c trung ng;

5. B nh vi n đa khoa t nhn t ng đ ng h ng I, t ng đ ng h ng II;

6. B nh vi n y h c c truy n t nh, thành ph tr c thu c trung ng, B , Ngành;

7. B nh vi n y h c c truy n t nh nhân t ng đ ng h ng I, t ng đ ng h ng II;

8. Phòng khám thu c Ban b o v chăm sóc s c kho cán b t nh, thành ph tr c thu c trung ng ;

9. B nh vi n h ng II thu c B Qu c phòng, B nh vi n quân - dân y h ng II, các c s khám b nh, ch a b nh khác theo quy đ nh c a B tr ng B Qu c phòng.

Đi u 6. C s đ ng ký khám b nh, ch a b nh b o hi m y t ban đ u tu y n t rung ng và t ng đ ng

1. B nh vi n đa khoa tr c thu c B Y t, tr các b nh vi n quy đ nh t i Kho n 3 Đi u này,

2. B nh vi n chuyên khoa, Vi n chuyên khoa tr c thu c B Y t có Phòng khám đa khoa;

3. B nh vi n H u Ngh , B nh vi n C Đà N ng và B nh vi n Th ng Nh t tr c thu c B Y t ;

4. B nh vi n h ng đ c bi t, b nh vi n h ng I tr c thu c B Qu c phòng, Vi n Y h c c truy n Quân đ i, các c s khám b nh, ch a b nh khác theo quy đ nh c a B tr ng B Qu c phòng.

Đi u 7. Đi u ki n c a c s đ ng ký khám b nh, ch a b nh b o hi m y t ban đ u

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

2. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định theo các khoản 1, 2 và 4 Điều 3 Thông tư này phải có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thì phải có đủ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, báo đảm đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh thông thường và xử trí cấp cứu ban đầu, cung cấp phát thuốc trong phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

4. Phòng khám bác sĩ gia đình tự nhân dân lập: Có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Y tế về điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sĩ gia đình tự nhân dân lập.

5. Riêng đối với Phòng khám đa khoa thì phải có ít nhất 02 (hai) chuyên khoa nội và ngoại; Đối với phòng khám đa khoa có khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em, ngoài 02 (hai) chuyên khoa trên, phải có chuyên khoa nhi

Chương III

ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU

□

Đi u 8. Đăng ký khám bnh, ch a bnh b o hi m y t ban đầu t i c s khám bnh, ch a bnh b o hi m y t ban đầu tuyen xã, tuyen huyện

Ng i tham gia b o hi m y t đ c quy n đăng ký khám bnh, ch a bnh b o hi m y t ban đầu (sau đây gọi t là khám bnh, ch a bnh ban đầu) t i m t trong các c s khám bnh, ch a bnh quy đ nh t i Đi u 3 và Đi u 4 Thông t này không phân bi t đ a gi i hành chính, phù h p v i n i làm vi c, n i c trú và kh năng đáp ng c a c s khám bnh, ch a bnh

Đi u 9. Đăng ký khám bnh, ch a bnh b o hi m y t ban đầu t i c s khám bnh, ch a bnh b o hi m y t ban đầu tuyen thnh, tuyen trung ng

1. Ng i tham gia b o hi m y t đ c đăng ký khám bnh, ch a bnh ban đầu t i m t trong các c s khám bnh, ch a bnh quy đ nh t i các kho n 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 9 Đi u 5 và Đi u 6 Thông t này trong các tr ng h p sau đây

- a) Ng i th ng trú, t m trú có th i h n ho c làm vi c trên đ a bàn qu n, huyện, th xã, thành ph thu c tnh không có c s khám bnh, ch a bnh quy đ nh t i Đi u 3 và Đi u 4 Thông t này ho c các c s đó không đáp ng đ c vi c khám bnh, ch a bnh ban đầu cho ng i tham gia b o hi m y t theo quy đ nh c a Giám đ c S Y t sau khi có s th ng nh t bng văn b n c a Giám đ c B o hi m xã h i tnh, thành ph tr c thu c trung ng;

- b) Ng i th ng trú, t m trú có th i h n ho c làm vi c trên đ a bàn qu n, huyện, th xã, thành ph thu c tnh đ c đăng ký khám bnh, ch a bnh ban đầu t i các c s khám bnh, ch a bnh quy đ nh t i các kho n 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 9 Đi u

Điều u

6

Thông t này

do

Giám đ c S Y t

quy đ nh

sau khi

có s

th ng nh t

b ng v n b n

c a

Giám đ c B o hi m xã h i t nh, thành ph tr c thu c trung ng.

2. Ng i tham gia b o hi m y t đ c đăng ký khám b nh, ch a b nh ban đ u t i m t trong các c s khám b nh, ch a b nh quy đ nh t i Điều u 8, kho n 1 Điều u 9 Thông t này ho c đ c đăng ký khám b nh, ch a b nh ban đ u t i c s khám b nh, ch a b nh b o hi m y t khác trong các tr ng h p sau đây

:

a) Đ i t ng thu c di n đ c qu n lý, b o v s c kho theo H ng đ n s 52 HD/BTCTW ngày 02 tháng 12 năm 2005 c a Ban T ch c Trung ng Đ ng v vi c đ u ch nh b sung đ i t ng khám, ch a b nh t i m t s c s y t c a Trung ng đ c đăng ký khám b nh, ch a b nh ban đ u t i B nh vi n H u Ngh , B nh vi n C Đà N ng

, B nh vi n Th ng Nh t tr c thu c B Y t

ho c

c s khám b nh, ch a b nh khác quy đ nh t i Điều u

5

(tr

K

ho n 4) và

các kho n 1,2 và 4

Điều u

6

Thông t này;

b) Đ i t ng thu c di n đ c qu n lý, b o v s c kh e cán b c a t nh, thành ph đ c đăng ký khám b nh, ch a b nh ban đ u t i phòng khám thu c Ban b o v chăm sóc s c kho cán b t nh ho c c s khám b nh, ch a b nh t i các kho n 1, 2, 3, 5, 6, 7 và 9 Điều u 5 Thông t

này;

c) Người có công với cách mạng, người từ đủ 80 tuổi trở lên được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7 và 9 Điều 5,

các

k

khoản 1, 2 và

4

Điều 5

6

Thông tin này;

d) Trẻ em dưới 6 tuổi được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 5 Thông tin này;

đ) Người công tác trong quân đội khi nghỉ hưu được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Khoản 9 Điều 5, Khoản 4 Điều 6 Thông tin này.

3. Người tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuận lợi nhất trên đất liền nếu trên các xã đảo, huyện đảo không có cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại

các đ

iều

3, 4, 5

và

6

Thông tin này.

□

Chương IV

CHUYÊN TUYỂN KHÁM BỆNH, CHẾ A BỆNH BỒ HIỂM Y TẾ

□

Điểm 10. Chuyên tuyển khám bệnh, chế a bệnh b o hi m y t

Việc chuyên tuyển khám bệnh, chế a bệnh b o hi m y t được thực hiện theo Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2014

chế a B Y t v chuyên tuyển

chuyên môn kỹ thuật

giữa các cơ sở khám bệnh, chế a bệnh

, trừ một số trường hợp cụ thể khác được thực hiện theo quy định tại Điểm 11 Thông tư này.

Điểm 11. Các trường hợp được xác định là đúng tuyển khám bệnh, chế a bệnh b o hi m y t

1. Người có thể b o hi m y t đăng ký khám bệnh, chế a bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chế a bệnh tuyển xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyển huy n được quy n khám bệnh, chế a bệnh b o hi m y t tại trạm y t tuyển xã hoặc phòng khám đa khoa, hoặc bệnh viện tuyển huy n trong cùng địa bàn tnh.

2. Người có thể b o hi m y t đăng ký khám bệnh, chế a bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chế a bệnh tuyển xã chuyên tuyển đ n bệnh viện huy n , bao gồm cả các bệnh viện huy n đã được xếp hạng I, hạng II và bệnh viện y học c truy n tnh (trong trường hợp bệnh viện huy n không có khoa y học c truy n).

3. Người có thể b o hi m y t được bệnh viện tuyển huy n, bao gồm cả bệnh viện đã được xếp hạng I, hạng II và bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, viện chuyên khoa, trung tâm

chuyên khoa tuyến tính chuyên tuyến tuyến trung tâm chuyên khoa tuyến tính hoặc bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, viện chuyên khoa tuyến tính cùng hệ thống hoặc hệ thống.

4. Trình tự hợp cấp cấp:

a) Người bệnh được cấp cấp tại bệnh viện cấp khám bệnh, chữa bệnh nào. Bác sĩ hoặc y sĩ phải
người bệnh
đánh giá, xác định
tình trạng cấp cấp và ghi vào hồ sơ, bệnh án.

b) Sau giai đoạn đầu tiên cấp cấp, người bệnh được chuyển vào đầu tiên tại trung tâm cấp khám bệnh, chữa bệnh nào đã tiếp nhận cấp cấp người bệnh hoặc được chuyển đến cấp khám bệnh, chữa bệnh khác để tiếp tục đầu tiên theo yêu cầu chuyên môn hoặc được chuyển về nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu sau khi đã đầu tiên định.

5. Trình tự hợp người bệnh được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh có bệnh khác kèm theo, bệnh được phát hiện hoặc phát sinh ngoài bệnh đã ghi trên giấy chuyển tuyến, cấp khám bệnh, chữa bệnh nào tiếp nhận người bệnh theo hướng dẫn của bệnh viện đầu tiên và các bệnh đó trong phạm vi chuyên môn.

6. Trình tự hợp người tham gia bảo hiểm y tế đi công tác, hợp tác, làm việc lưu động hoặc tạm trú dưới 12 tháng tại địa phương khác thì được khám bệnh, chữa bệnh tại cấp khám bệnh, chữa bệnh trên địa phương đó theo đúng quy định của cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu ghi trên thẻ bảo hiểm y tế. Trình tự hợp địa phương đó không có cấp y tế theo đúng quy định thì người tham gia bảo hiểm y tế được lựa chọn cấp khám bệnh, chữa bệnh khác có tiếp nhận khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu.

Điểm 12. Sơ đồ quy trình chuyển tuyến và Giấy Giấy khám lần đầu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Số đăng ký Giấy chuyển tuyến đầu và người bệnh có thể báo hiểm y tế :

a) Trường hợp người bệnh được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thì chuyển Giấy chuyển tuyến của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trực tiếp chuyển người bệnh đi;

b) Trường hợp người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh báo hiểm y tế ban đầu và sau đó được chuyển tiếp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trực tiếp chuyển người bệnh đi; Giấy chuyển tuyến của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

c) Giấy chuyển tuyến có giá trị số đăng trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký;

d) Người bệnh có thể báo hiểm y tế một các bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp đặc biệt số đăng Giấy chuyển tuyến

quy định tại

P

hướng

số 01

ban hành kèm theo

Thông tư này thì

G

giấy chuyển tuyến có giá trị số đăng đến hết ngày 31 tháng 12 năm

đăng lịch đó

. Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó

mà

người bệnh vẫn đang đi u trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì

G

giấy chuyển tuyến có giá trị số đăng

đến

hết đợt đi u trị nội trú đó.

2. Số đăng ký Giấy khám là: Mã Giấy khám là chi số đăng 01 (mã t) là theo thi gian ghi trong

bệnh.

Giấy khám là của cơ sở khám bệnh, chữa

Mã u Giấy khám là để và người

bệnh báo hiểm y tế quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

□

Chương V

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

□

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ o hi m xã h i t nh, thành ph tr c thu c trung q ng, các c s khám bnh, ch a bnh thu c B Y t và các B , Ngành đóng trên đ a bàn đ th c hi n:

a) Xác đ nh, lập và công b danh sách các c s đ ăng ký khám bnh, ch a bnh ban đ u theo các tuy n trên đ a bàn t nh, thành ph ;

b) H ng d n vi c đ ăng ký khám bnh, ch a bnh ban đ u đ i v i đ i t ng quy đ nh t i Kho

n

3

Đ i u

9

Thông t này;

c) H ng d n vi c đ ăng ký khám bnh, ch a bnh ban đ u đ i v i tr em d i 6 tu i quy đ nh t i

Đ i m

d, K

ho

n

2

Đ i u

9

Thông t này

d) H ng đ n vi c chuy n tuy n gi a các c s khám bnh, ch a bnh đ i v i ng i bnh tham gia b o hi m y t theo quy đ nh.

2. Ch tr, ph i h p v i B o hi m xã h i t nh, thành ph tr c thu c trung ng, các c s khám bnh, ch a bnh tr c thu c B Y t và các B , Ngành, quy đ nh đ i t ng, c c u nhóm đ i t ng, s l ng ng i tham gia b o hi m y t đ ng ký khám bnh, ch a bnh ban đ u quy đ nh t i Đ i u 8, Đ i u 9 Thông t này phù h p v i đ i u ki n th c t c a đ a ph ng và kh năng đáp ng c a c s khám bnh, ch a bnh.

3. Ch tr, ph i h p v i B o hi m xã h i t nh, thành ph tr c thu c trung ng h ng đ n đ i t ng, c c u nhóm đ i t ng và s l ng ng i tham gia b o hi m y t đ ng ký khám bnh, ch a bnh ban đ u t i các vi n, trung tâm, bnh vi n chuyên khoa, bnh vi n, vi n Y h c c truy n đ m b o phù h p v i đ i u ki n th c t c a c s và t ch c h th ng c s khám bnh, ch a bnh t i đ a ph ng, phát huy hi u qu s đ ng ngu n nhân l c, c s v t ch t, trang thi t b , ph m vi chuyên môn và ch t l ng khám bnh, ch a bnh.

4. T ch c, ch đ o vi c th c hi n các quy đ nh t i Thông t này đ i v i các c s khám bnh, ch a bnh thu c ph m vi qu n lý

Đ i u 14. Trách nhi m c a B o hi m xã h i t nh, thành ph tr c thu c trung ng

1. T ch c ký h p đ ng khám bnh, ch a bnh b o hi m y t v i các c s khám bnh, ch a bnh có đ đ i u ki n t ch c khám bnh, ch a bnh ban đ u theo danh sách S Y t đã phê duy t.

2. Ph i h p v i S Y t h ng đ n ng i tham gia b o hi m y t đ ng ký h c thay đ i n i đ ng

ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy định tại Thông tư này.

3. Hướng dẫn việc khám bệnh, chữa bệnh bệnh o hiềm y tế đối với người có thể bệnh o hiềm y tế quy định tại Khoản 6 Điều 11 Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của Y tế các B, Ngành

1. Các Quân y - Bộ Quốc phòng, Các Y tế - Bộ Công an:

a) Chịu đầu, hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng Bộ Công an để điều kiện tổ chức khám bệnh, chữa bệnh ban đầu đăng ký với Sở Y tế địa phương;

b) Hướng dẫn triển khai thực hiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bệnh o hiềm y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng

,
Bộ
Công an

2. Y tế các B, Ngành khác:

a) Chịu đầu các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc B, Ngành để điều kiện tổ chức khám bệnh, chữa bệnh ban đầu đăng ký với Sở Y tế địa phương;

b) Hướng dẫn triển khai thực hiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bệnh o hiềm y tế theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh, chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và báo động quy định để điều trị và tiếp nhận tham gia báo động hiểm yếu theo quy định.
2. Căn cứ điều kiện thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh, người điều trị khám bệnh, chữa bệnh phân công người chịu trách nhiệm xác nhận việc tiếp nhận người bệnh để chuyển tuyến trong hoặc ngoài giới hành chính cấp thị.

□

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

□

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.
2. Thông tư số 37/2014/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh báo động hiểm yếu hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

- Ban T ch c TW Đ ng;
- Ban BVCSSK cán b
- Bộ T pháp (C c KTVBQPPL);
- Bộ, c quan ngang b, c quan thu c Chính p; ;
- BHXH Vi t Nam;
- HĐND, UBND các t nh, thành ph tr c thu c TW;
- S Y t các t nh, thành ph tr c thu c TW;
- Các b nh vi n thu c Bộ Y t ;
- Y t các b, ngành;
- Các V, C c, T ng c c, TTra B, VP B ;
- C ng TTĐT Bộ Y t ;
- L u: VT, BH (03b), PC (02b).

KT. B TR NG

TH TR NG

Nguyễn Thị Xuyên

□

□

□

□

□

□

□

Phụ lục số 01

DANH MỤC CÁC BỆNH, NHÓM BỆNH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC

SỐ DẪNG GIẤY CHUYỂN TUYỂN TRONG NĂM DẪNG LỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2015/TT-BYT ngày 16. tháng 11 năm 2015

của Bộ trưởng Bộ Y tế)

□

STT

Tên b nh, nhóm b nh và các tr ng h p

1

Lao (các lo i)

2

B nh Phong

3

HIV/AIDS

4

Di chứng viêm não; Bại não; Liệt tở chi ở trẻ em dưới 6 tuổi

5

Xuất huyết trong não

6

Đột tử não, não úng thủy

7

Đông kinh

8

Ung thư *

9

U nhú thanh quản

10

Đa hồng cầu

11

Thi u máu bất sản t y

12

Thi u máu tế bào hình li m

13

B nh tan máu bẩm sinh (Thalassemia)

14

Tan máu tế mi n

15

Xut huyt gim tiu cu min dch

16

Đai huyt sc tk kch phat ban đem

17

Bnh Hemophillia

18

Cac thiu ht yu tđng mau

19

Cac ri lon đng mau

20

Von Willebrand

21

Bệnh lý chức năng tiểu cầu

22

Hội chứng thực bào tế bào máu

23

Hội chứng Anti – Phospholipid

24

Hội chứng Tuner

25

Hội chứng Prader Willi

26

Suy tụy

27

Tăng sinh tụy - suy giảm miễn dịch bẩm sinh do thiếu hụt gamaglobulin

28

Tăng sinh tụy - suy giảm miễn dịch bẩm sinh do thiếu hụt

29

Basedow

30

Đái tháo đ ng

31

R i lo n chuy n hóa b m sinh acid h u c , acid amin, acid béo

32

R i lo n d tr th tiêu bào

33

Suy tuy n giáp

34

Suy tuy n yên

35

B nh tâm th n *

36

Parkinson

37

Nghe kém tr em đu i 6 tui

38

Suy tim

39

Tng huyt áp có bin chng

40

Bnh thiu máu cc bc ctim

41

Bệnh tim bẩm sinh; Bệnh tim (có can thiệp, sau phẫu thuật van tim, đặt máy trợ tim)

42

Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính

43

Hen phế quản

44

Pemphigus

45

Pemphigoid (Bệnh nong cọng Pemphigus)

46

Duhring – Brocq

47

Ṿy ṇn

48

Ṿy pḥn đ̣ nang lông

49

Á ṿy ṇn

50

Luput ban đ̣

51

Viêm bì cơ (Viêm đa cơ và da)

52

Xơ cứng bì hệ thống

53

Bệnh tổ chức liên kết tổ chức hỗn hợp (Mixed connective tissue disease)

54

Các trường hợp có chẩn đoán sơ đẳng thu được bằng sinh thiết ghép sau ghép mô, bệnh nhân cần theo dõi

55

Di chứng do vết thương chi trên

56

Viêm gan m n tính ti n tri n; viêm gan t mi n

57

H i ch ng viêm th n m n; suy th n m n

58

Tăng s n th ng th n b m sinh

59

Thi u s n th n

60

Ch y th n nhân t o chu k , th m phân phức m c chu k

61

Viêm x ng t mi n

62

Viêm cột sống dính khớp

□

Ghi chú: (*) là tên bệnh, nhóm bệnh quy định tại Thông tư số 34/2013/TT-BYT ngày 28 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa dài ngày.

Phụ lục số 02

MẪU GIẤY HẸN KHÁM LẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

□

CƠ QUAN CHỈ QUẢN (BYT/SYT/....)

Tên cơ sở khám chữa bệnh

Số :.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY HẸN KHÁM LẠI

□

Họ tên người bệnh:.....Giới:.....

Sinh ngày: / /

Địa chỉ :

Số thẻ BHYT:

Họ và tên: T. / / Đ. / /

Ngày khám bệnh: / /

Ngày vào viện: / / Ngày ra viện: / /

Chẩn đoán:.....

.....

Bệnh kèm theo:.....

Họ n khám i vào ngàytháng.... năm....., họ c đ n b t k th i gian nào tr c ngày đ c họ n khám i n u có đ u hi u (tri u ch ng) b t th ng.

Gi y họ n khám i ch có giá tr s đ ng 01 (m t) i n trong th i họ n 10 ngày làm vi c, k t ngày đ c họ n khám i.

....., ngày....tháng năm.....

Bác sĩ, Y sĩ khám b nh

(ký tên)

Đ i đ i n B nh vi n

